

**KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1962**/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày **05** tháng **12** năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra  
Kiểm toán nhà nước**

**TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;*

*Căn cứ Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Kiểm toán nhà nước.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra Kiểm toán nhà nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 158/QĐ-KTNN ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra Kiểm toán nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo KTNN;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT, TT. *✓*

**TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**



**Ngô Văn Tuấn**

**QUY CHẾ****Tổ chức và hoạt động của Đoàn thanh tra Kiểm toán nhà nước**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-KTNN ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Tổng Kiểm toán nhà nước)

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ công tác của Đoàn thanh tra Kiểm toán nhà nước (sau đây viết tắt là Đoàn thanh tra).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra và các đơn vị, tổ chức, cá nhân trực thuộc Kiểm toán nhà nước (KTNN).

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra gồm Chánh Thanh tra KTNN hoặc Thủ trưởng đơn vị trực thuộc KTNN được Tổng Kiểm toán nhà nước giao nhiệm vụ chủ trì cuộc thanh tra.

2. Đối tượng thanh tra là cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự thanh tra được xác định trong quyết định thanh tra.

3. Người có quan hệ gia đình là vợ (chồng); bố, mẹ, người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc bố, mẹ, người trực tiếp nuôi dưỡng vợ (chồng); con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ (chồng) theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Đoàn thanh tra là người tiến hành thanh tra, bao gồm: Thanh tra viên và các thành viên khác tham gia Đoàn thanh tra nhưng không phải là Thanh tra viên.

**Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Đoàn thanh tra**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của KTNN, dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, chính xác.

2. Không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra và cơ

quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Không trùng lặp về phạm vi, thời gian giữa Đoàn thanh tra với cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm soát khác; không trùng lặp trong việc thực hiện quyền khi tiến hành thanh tra.

4. Bảo đảm tính độc lập, thực hiện đầy đủ, chấp hành nghiêm quy chế làm việc, quy định, quy trình thanh tra; xây dựng, thực hiện văn hoá liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong thực hiện nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Địa điểm thanh tra**

Đoàn thanh tra làm việc tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra, trụ sở cơ quan KTNN hoặc tại nơi tiến hành kiểm tra, xác minh theo kế hoạch tiến hành thanh tra.

#### **Điều 6. Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra**

1. Cố ý không ra quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật phải tiến hành thanh tra; bao che cho đối tượng thanh tra; cố ý kết luận sai sự thật; kết luận, quyết định, xử lý trái pháp luật; không kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm được phát hiện qua thanh tra đến cơ quan điều tra để xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật;

2. Đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ, mua chuộc người có trách nhiệm, chức vụ, quyền hạn hoặc người có liên quan trong hoạt động thanh tra nhằm giảm nhẹ, trốn tránh trách nhiệm cho đối tượng vi phạm;

3. Cung cấp, tiết lộ thông tin, tài liệu, hồ sơ của đối tượng thanh tra cho tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền, trách nhiệm, nhất là thông tin, tài liệu, hồ sơ đang trong quá trình thanh tra;

4. Nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác hoặc lợi ích phi vật chất, tham gia hoạt động vui chơi, giải trí của đối tượng thanh tra hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thanh tra dưới mọi hình thức.

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; lạm quyền trong quá trình tiến hành thanh tra.

6. Lợi dụng các mối quan hệ thân quen hoặc sử dụng lợi thế, vị trí công tác, uy tín của mình, người khác để tác động, tranh thủ, gây sức ép với đối tượng thanh tra hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm trục lợi hoặc động cơ cá nhân khác;

7. Lợi dụng việc nắm được thông tin nội bộ hoặc thông tin bất lợi của tổ chức, cá nhân để đặt điều kiện, gây sức ép đối với đối tượng thanh tra, người có

thẩm quyền, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ thanh tra nhằm trục lợi hoặc động cơ cá nhân khác;

8. Để người có quan hệ gia đình lợi dụng ảnh hưởng chức vụ, quyền hạn của mình nhằm thao túng, can thiệp vào việc thanh tra;

9. Đưa ý đồ cá nhân, đề ra tiêu chí, điều kiện, nhận xét, đánh giá mang tính áp đặt, không đúng bản chất, không đúng sự thật để có lợi hoặc gây bất lợi cho đối tượng thanh tra;

10. Xác nhận, nhận xét, đánh giá, kết luận và kiến nghị không đúng sự thật hoặc làm giả, làm sai lệch nội dung hồ sơ, bản chất vụ việc, vi phạm của đối tượng thanh tra;

11. Thoả thuận, đặt điều kiện với đối tượng thanh tra hoặc người có liên quan đến đối tượng thanh tra; thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định để làm thay đổi, sai lệch kết quả, kết luận thanh tra;

12. Không kiến nghị, đề xuất chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm gây thất thoát tài sản công, tài chính công đến mức phải xem xử lý; không kiến nghị hoặc chỉ đạo, xử lý thu hồi vật chất, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền đối với các vi phạm khi tiến hành thanh tra;

13. Chỉ đạo hoặc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, chưa được phép công bố hoặc không thực hiện đúng kết luận, kiến nghị thanh tra;

14. Gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi không đúng quy định với đối tượng thanh tra; sử dụng các tài liệu thẩm tra, xác minh không đúng mục đích;

15. Bao che, tiếp tay, trì hoãn hoặc không kết luận, không xử lý hoặc kết luận, xử lý không đúng nội dung, tính chất, mức độ vi phạm hoặc không báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định đối với tổ chức, cá nhân vi phạm;

16. Thực hiện nhiệm vụ thanh tra vượt thẩm quyền; không đúng với nội dung quyết định thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra đã được phê duyệt; không đúng quy trình nghiệp vụ, phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian theo quy định. Can trở, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra, gây khó khăn cho hoạt động thanh tra, lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người làm nhiệm vụ thanh tra;

17. Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật nghề nghiệp, sách nhiễu, gây khó khăn, có thái độ áp đặt, thiếu tôn trọng, không đúng quy định của ngành, can thiệp trái quy định vào hoạt động của đối tượng thanh tra;

18. Không xử lý hoặc không báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định khi nhận được thông tin, đơn, thư phản ánh, tố cáo đối tượng thanh tra; không kịp

thời thanh tra đối với những tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân có dấu hiệu vi phạm quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đơn, thư phản ánh, tố cáo đã được xác định là có cơ sở;

19. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc dùng uy tín, ảnh hưởng của bản thân và gia đình để gợi ý, tác động, gây áp lực đối với người có thẩm quyền quyết định hoặc tham mưu về các kết luận thanh tra không đúng bản chất sự việc;

20. Tác động đến người có thẩm quyền nhằm giúp cho đối tượng thanh tra có được kết quả, quyền lợi không chính đáng ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan;

21. Trực tiếp hoặc gián tiếp hỗ trợ đối tượng thanh tra thực hiện các hành vi nhằm trốn tránh, giảm nhẹ trách nhiệm;

22. Không kịp thời thay đổi thành viên Đoàn thanh tra khi có căn cứ xác định thành viên có các hành vi, không khách quan, không công tâm trong công tác; không kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của Đoàn thanh tra;

23. Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN THANH TRA**

#### **Điều 7. Thành lập và giải thể Đoàn thanh tra**

1. Đoàn thanh tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra của KTNN theo kế hoạch thanh tra hằng năm đã được phê duyệt hoặc thanh tra đột xuất theo chỉ đạo của Tổng Kiểm toán nhà nước. Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định thành lập Đoàn thanh tra theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra. Trình tự, thủ tục ban hành quyết định thanh tra theo quy định tại Quy trình thanh tra của KTNN.

2. Đoàn thanh tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ thanh tra. Nhưng Đoàn thanh tra và các thành viên Đoàn thanh tra phải chịu trách nhiệm về những nhận xét, kết luận và kiến nghị trong Kết luận thanh tra.

#### **Điều 8. Thành phần Đoàn thanh tra**

1. Đoàn thanh tra có Trưởng Đoàn thanh tra và các thành viên Đoàn thanh tra.

2. Trường hợp cần thiết, Đoàn thanh tra có Phó Trưởng đoàn thanh tra để giúp Trưởng Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ được giao, phụ trách một số hoạt động của Đoàn thanh tra khi được Trưởng Đoàn thanh tra giao.

## **Điều 9. Tiêu chuẩn của Trưởng Đoàn thanh tra, Phó Trưởng đoàn thanh tra**

### **1. Tiêu chuẩn của Trưởng Đoàn thanh tra**

Trưởng Đoàn thanh tra giữ chức vụ từ Trưởng phòng trở lên, là Thanh tra viên chính hoặc tương đương trở lên và phải có các tiêu chuẩn chung như sau:

- a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;
- b) Có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cuộc thanh tra;
- c) Am hiểu về nghiệp vụ thanh tra; có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp những vấn đề liên quan đến nội dung, lĩnh vực được thanh tra;
- d) Có khả năng tổ chức, điều hành, hướng dẫn các thành viên Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra được giao.

### **2. Tiêu chuẩn của Phó Trưởng đoàn thanh tra**

Phó Trưởng đoàn thanh tra giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng trở lên, là Thanh tra viên và tương đương trở lên, các tiêu chuẩn khác như quy định đối với Trưởng Đoàn thanh tra.

## **Điều 10. Các trường hợp không được tham gia Đoàn thanh tra**

1. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được tham gia Đoàn thanh tra:

- a) Người có quan hệ gia đình với đối tượng thanh tra hoặc cùng là thành viên Đoàn thanh tra;
- b) Người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Người bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật, xóa án tích.

2. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra có trách nhiệm kiểm tra, rà soát để phát hiện các trường hợp không được tham gia Đoàn thanh tra trước khi trình người ra quyết định thanh tra.

Người được dự kiến là Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải tự giác báo cáo với lãnh đạo cơ quan, đơn vị và xin không làm thành viên đoàn trước khi quyết định thanh tra được ban hành.

3. Trong quá trình tiến hành thanh tra, nếu phát hiện có người thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định việc thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra.

Trong quá trình thanh tra, nếu nhận thấy mình thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra phải báo cáo người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định.

**Điều 11. Thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra, Phó Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra**

1. Người ra quyết định thanh tra xem xét, thay đổi thành viên Đoàn thanh tra khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có một trong các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Không chấp hành chế độ thông tin báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Trưởng Đoàn thanh tra;

c) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao, không đủ sức khỏe hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thanh tra;

d) Được giao nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

2. Người ra quyết định thanh tra xem xét, thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra, Phó Trưởng đoàn thanh tra khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 10 của Quy chế này;

b) Không chấp hành chế độ thông tin báo cáo, chỉ đạo, điều hành của người ra quyết định thanh tra; thay đổi Phó Trưởng đoàn thanh tra khi không chấp hành chế độ báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Trưởng Đoàn thanh tra;

c) Có căn cứ cho rằng không đủ năng lực để hoàn thành nhiệm vụ thanh tra;

d) Được giao nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**Điều 12. Trình tự, thủ tục đình chỉ, thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra**

1. Người ra quyết định thanh tra có thể đình chỉ, thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra khi không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ thanh tra hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

Trình tự, thủ tục đình chỉ, thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra như sau:

a) Trường hợp đình chỉ, thay đổi thành viên Đoàn thanh tra do Trưởng Đoàn thanh tra đề nghị Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định.

b) Trường hợp đình chỉ, thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra do Thủ trưởng đơn

vị được giao nhiệm vụ thanh tra trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định.

## 2. Bổ sung thành viên Đoàn thanh tra

Khi xét thấy cần thiết, căn cứ vào yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra có văn bản đề nghị và dự thảo quyết định bổ sung thành viên Đoàn thanh tra, đề nghị Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định bổ sung thành viên Đoàn thanh tra. Văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do, họ tên, chức danh của người được bổ sung.

Việc bổ sung thành viên Đoàn thanh tra phải được trao đổi, thống nhất với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng trực tiếp người được đề xuất bổ sung vào Đoàn thanh tra. Trường hợp đặc biệt, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định.

3. Quyết định đình chỉ, thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra phải được gửi cho đối tượng thanh tra.

## **Chương III**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN THANH TRA**

#### **Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Đoàn thanh tra**

1. Trưởng Đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tổ chức, chỉ đạo các thành viên Đoàn thanh tra thực hiện đúng nội dung quyết định thanh tra;
- b) Kiến nghị người ra quyết định thanh tra áp dụng biện pháp thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Thanh tra và quy định khác của pháp luật có liên quan để bảo đảm thực hiện yêu cầu, mục đích thanh tra;
- c) Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và báo cáo, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra;
- d) Quyết định niêm phong tài liệu;
- đ) Đình chỉ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền đình chỉ hành vi vi phạm;
- e) Báo cáo người ra quyết định thanh tra về kết quả thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của báo cáo đó;
- g) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Khi việc áp dụng biện pháp quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều này không còn cần thiết thì Trưởng Đoàn thanh tra phải quyết định hoặc kiến nghị hủy bỏ ngay việc áp dụng biện pháp đó.

3. Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm sau đây:

- a) Tổ chức, chỉ đạo các thành viên Đoàn thanh tra thực hiện đúng mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi, đối tượng, thời kỳ, thời hạn thanh tra theo quyết định thanh tra và kế hoạch tiến hành thanh tra;
- b) Chấp hành sự chỉ đạo của người ra quyết định thanh tra; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra;
- c) Ghi nhật ký thanh tra theo quy định tại Hệ thống mẫu biểu hồ sơ thanh tra của KTNN;
- d) Phối hợp với Tổ giám sát hoặc công chức được giao nhiệm vụ giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra theo quy định tại Quy chế giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra KTNN và quy định của pháp luật;
- đ) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và người ra quyết định thanh tra về điều hành hoạt động của Đoàn thanh tra; tính đúng đắn, chính xác của các nội dung đã thanh tra; tiến độ và chất lượng Báo cáo kết quả thanh tra, dự thảo Kết luận thanh tra; các đề xuất, kiến nghị của Đoàn thanh tra;
- e) Chịu trách nhiệm chính khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong Đoàn thanh tra khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra;
- g) Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, kịp thời báo cáo người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định việc chuyển thông tin, vụ việc sang cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Phó Trưởng đoàn thanh tra**

Giúp Trưởng Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng Đoàn thanh tra và chịu trách nhiệm trước Trưởng Đoàn thanh tra về nhiệm vụ được phân công và trách nhiệm cá nhân theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

**Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Đoàn thanh tra**

1. Thành viên Đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- a) Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Đoàn thanh tra;
- b) Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và báo cáo, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra;
- c) Kiến nghị Trưởng Đoàn thanh tra áp dụng biện pháp thuộc nhiệm vụ,

quyền hạn của Trưởng Đoàn thanh tra quy định tại Điều 13 của Quy chế này để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao;

d) Báo cáo Trưởng Đoàn thanh tra về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Trưởng Đoàn thanh tra và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của nội dung đã báo cáo;

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Đoàn thanh tra có trách nhiệm sau đây:

a) Tự giác báo cáo với lãnh đạo đơn vị, Trưởng Đoàn thanh tra không làm thành viên Đoàn thanh tra khi: Có quyền, lợi ích liên quan đến đối tượng thanh tra; có quan hệ gia đình với đối tượng thanh tra hoặc cùng là thành viên Đoàn thanh tra.

b) Chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về hoạt động thanh tra;

c) Chấp hành sự chỉ đạo của người ra quyết định thanh tra, sự phân công, chỉ đạo, điều hành của Trưởng Đoàn thanh tra; chấp hành thời gian làm việc, chế độ thông tin báo cáo trong hoạt động thanh tra;

d) Thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ được Trưởng Đoàn thanh tra phân công; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công; kịp thời phát hiện, đề xuất Trưởng Đoàn thanh tra báo cáo người ra quyết định thanh tra xem xét kết luận, kiến nghị xử lý theo pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra và tổ chức, cá nhân có liên quan;

đ) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đắn về nội dung báo cáo công việc được phân công và được bảo lưu ý kiến của mình;

e) Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, kịp thời báo cáo, đề xuất Trưởng Đoàn thanh tra báo cáo người ra quyết định thanh tra xem xét, quyết định việc chuyển thông tin, vụ việc sang cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật;

g) Báo cáo Trưởng Đoàn thanh tra hoặc người ra quyết định thanh tra khi phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của thành viên Đoàn thanh tra, thành viên Tổ giám sát hoặc công chức được giao nhiệm vụ giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra;

h) Phối hợp với Tổ giám sát hoặc công chức được giao nhiệm vụ giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra theo quy định tại Quy chế giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra KTNN và quy định của pháp luật.

**Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Đoàn thanh tra, Phó Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra lại**

Khi tiến hành thanh tra lại, Trưởng Đoàn thanh tra, Phó Trưởng đoàn thanh

tra, thành viên Đoàn thanh tra lại thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Quy chế này.

## **Chương IV**

### **QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ĐOÀN THANH TRA**

#### **Điều 17. Quan hệ công tác của Đoàn thanh tra**

##### **1. Quan hệ giữa Đoàn thanh tra với Người ra quyết định thanh tra**

a) Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra có trách nhiệm quản lý trực tiếp, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của Đoàn thanh tra để đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch thanh tra được phê duyệt; tổ chức thẩm định kết quả thanh tra, dự thảo kết luận thanh tra trước khi trình Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành;

b) Trưởng Đoàn thanh tra, Phó Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra phải tuân thủ sự chỉ đạo, giám sát, kiểm tra của người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo đúng yêu cầu.

##### **2. Quan hệ giữa Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra với Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra**

Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra kết quả thực hiện nhiệm vụ thanh tra; chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra về thực hiện nhiệm vụ được giao.

##### **3. Quan hệ giữa Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra với Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp**

Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra hoàn thành nhiệm vụ được giao.

##### **4. Quan hệ giữa Trưởng Đoàn thanh tra với thành viên Đoàn thanh tra và giữa các thành viên Đoàn thanh tra**

a) Thành viên Đoàn thanh tra có trách nhiệm xây dựng và duy trì mối quan hệ đoàn kết, phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau để hoàn thành nhiệm vụ;

b) Thành viên Đoàn thanh tra phải chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của Trưởng Đoàn thanh tra về thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp có

vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền thì báo cáo kịp thời với Trưởng Đoàn thanh tra và đề xuất biện pháp xử lý.

**Điều 18. Bảo đảm kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động thanh tra**

1. Hoạt động thanh tra thực hiện theo chế độ thủ trưởng. Thành viên Đoàn thanh tra phải chấp hành quyết định, chỉ đạo của Trưởng Đoàn thanh tra. Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra phải chấp hành quyết định, chỉ đạo của người ra quyết định thanh tra.

2. Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra có quyền bảo lưu ý kiến về kết quả thanh tra của mình.

**Điều 19. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người tiến hành thanh tra**

1. Người ra quyết định thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra không hoàn thành nhiệm vụ thanh tra hoặc cố ý không phát hiện hoặc phát hiện hành vi vi phạm mà không xử lý, không kiến nghị việc xử lý hoặc có hành vi khác vi phạm pháp luật về thanh tra thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp sau khi kết thúc thanh tra mà cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện vụ việc có vi phạm pháp luật xảy ra tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được thanh tra về cùng một nội dung mà Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra có lỗi thì phải chịu trách nhiệm; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Đoàn thanh tra đã phát hiện và báo cáo về vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng người ra quyết định thanh tra không xử lý thì Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra không phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp này, người ra quyết định thanh tra phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Trường hợp thành viên Đoàn thanh tra đã phát hiện và báo cáo về vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật nhưng Trưởng Đoàn thanh tra không xử lý thì thành viên đó không phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp này, Trưởng đoàn thanh tra phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

**Điều 20. Xử lý các trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra**

Trong quá trình thanh tra, khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra thì xử lý như sau:

1. Thành viên Đoàn thanh tra báo cáo ngay với Trưởng Đoàn thanh tra. Yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo giải trình. Việc nghe giải trình phải có từ 02 thành

viên Đoàn thanh tra trở lên và phải ghi biên bản. Kết quả giải trình phải báo cáo kịp thời với Trưởng Đoàn thanh tra.

2. Trường hợp phát hiện những hành vi cản trở hoạt động thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra phải báo cáo ngay với Trưởng Đoàn thanh tra để giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người ra quyết định thanh tra giải quyết theo quy định.

3. Trường hợp phát hiện hành vi có dấu hiệu cấu thành tội phạm, Trưởng Đoàn thanh tra báo cáo kịp thời với người ra quyết định thanh tra để kiến nghị Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, quyết định chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra và các cơ quan khác có thẩm quyền của Nhà nước để xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 21. Chế độ họp, giao ban**

1. Trưởng Đoàn thanh tra phải tổ chức họp Đoàn thanh tra để phổ biến kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn thanh tra; thảo luận về phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện. Cuộc họp phải được ghi thành biên bản để lưu hồ sơ cuộc thanh tra.

2. Trưởng Đoàn thanh tra báo cáo định kỳ hoặc đột xuất bằng văn bản về kết quả và tiến độ thực hiện với Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra hoặc người ra quyết định thanh tra theo quy định của Quy trình thanh tra của KTNN.

#### **Điều 22. Chế độ ăn ở, đi lại**

1. Việc ăn ở, đi lại của Đoàn thanh tra thực hiện theo chế độ quy định của Nhà nước và của KTNN.

2. Trưởng Đoàn thanh tra chịu trách nhiệm bảo đảm điều kiện làm việc và sinh hoạt của Đoàn trong thời gian thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

3. Văn phòng KTNN bảo đảm kinh phí, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác theo quy định của Tổng Kiểm toán nhà nước để Đoàn thanh tra hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức trực thuộc KTNN**

1. Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức trực thuộc KTNN có trách nhiệm chỉ đạo, quán triệt các tổ chức, cá nhân thuộc đơn vị là đối tượng thanh tra tuân thủ quy định tại Quy chế này, phối hợp với Đoàn thanh tra triển khai hoạt động thanh tra tại đơn vị.

2. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra có trách nhiệm tổ chức,

tiến hành cuộc thanh tra theo Quy chế này và các quy định khác của pháp luật về công tác thanh tra.

3. Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức trực thuộc KTNN có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thanh tra trong việc phân công công chức thuộc đơn vị mình tham gia Đoàn thanh tra.

4. Vận dụng các quy định của Quy chế này vào công tác tự kiểm tra của đơn vị.

5. Cử công chức tham gia các Đoàn thanh tra khi có yêu cầu.

**Điều 24. Trách nhiệm của Thanh tra KTNN, Chánh Thanh tra KTNN**

1. Thanh tra KTNN có trách nhiệm tổ chức, tiến hành cuộc thanh tra theo Quy chế này và các quy định khác của pháp luật về công tác thanh tra.

2. Chánh Thanh tra KTNN có trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra của các cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Thanh tra và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thanh tra KTNN chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng Kiểm toán nhà nước trong tổ chức thanh tra, hướng dẫn thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Thanh tra KTNN để tổng hợp, trình Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, giải quyết./.